



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	01		19	149	An	
2	000002	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	01		23	150	Anh	
3	000003	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	01		16	148	Anh	
4	000004	1201061522	Trịnh Thị Yên	Chi	11/02/2006	KA12A	01		10	147	Chi	
5	000005	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	01		22	146	Dũng	
6	000006	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	01					HP,ĐK
7	000007	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	01		10	145	Duyên	
8	000008	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	01		12	144	Giang	
9	000009	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	01		19	142	Hoa	
10	000010	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	01		20	141	Hoàng	
11	000011	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	01		17	143	Hoàng	
12	000012	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	01					HP,ĐK
13	000013	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	01		17	140	Linh	
14	000014	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	01		16	136	Ly	
15	000015	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	01					HP,ĐK
16	000016	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	01		20	138	Nga	
17	000017	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	01		14	139	Nga	
18	000018	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	01		17	141	Ngọc	
19	000019	1201060519	Lèng Thái	Nguyễn	25/10/2006	KA12A	01		5,0	137	Nguyễn	
20	000020	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	01		15	135	Nhật	
21	000021	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	01		14	134	Quỳnh	
22	000022	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	01		12	133	Tâm	
23	000023	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	01		14	132	Thảo	
24	000024	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	01		10	131	Thảo	
25	000025	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	01		22	130	Thư	
26	000026	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	01		5,0	128	Toàn	
27	000027	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	01		15	129	Trang	
28	000028	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	01		19	127	Trung	
29	000029	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	01					HP,ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000030	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	01		10	123	Uu	
31	000031	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	01		15	125	Vy	
32	000032	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01					HP,ĐK
33	000033	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	01		12	126	my	
34	000034	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	02		17	124	An	
35	000035	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	02		12	122	LS	
36	000036	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	02		60	134	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi:.....31

Tổng số tờ giấy thi:.....31

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Quân Thị Hoàng Anh


Đương Thị Thương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000037	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	02		23	149	Anh	
2	000038	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	02		24	150	Hải	
3	000039	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	02		23	147	Diệu Anh	
4	000040	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	02		25	148	Ánh	
5	000041	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	02		24	145	Minh	
6	000042	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	02		17	143	Đạt	
7	000043	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	02		20	144	Diệp	
8	000044	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	02		22	141	Đức	
9	000045	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	02		18	142	Dũng	
10	000046	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	02		24	146	Dương	HP (đi học)
11	000047	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	02		25	132	Hương	
12	000048	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	02		17	139	Hà	
13	000049	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	02		17	131	Hằng	
14	000050	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	02					ĐK
15	000051	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	02		20	128	Hiền	
16	000052	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	02		17	15	Huyền	
17	000053	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	02		17	125	Huyền	
18	000054	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	02		25	126	Khánh	
19	000055	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	02		24	127	Kiệt	
20	000056	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	02		25	147	Lan	
21	000057	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	02		17	136	Linh	
22	000058	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	02		18	124	Đinh	
23	000059	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	02					HP, ĐK
24	000060	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	02		20	121	Linh	
25	000061	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	02		22	140	Loan	
26	000062	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	02		21	139	Mai	
27	000063	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	02		20	137	My	
28	000064	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	02		25	134	Nga	
29	000065	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	02		20	137	Ngân	
30	000066	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	02		11	123	Ngọc	(mười một)
31	000067	1201021000	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	26/10/2006	KD12A	02		25	135	Ngọc	
32	000068	1201020333	Khuông Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	02		23	122	Nhi	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 32

Ngày ... 4 tháng 6 năm ... 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào T. Hồng Lam

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000069	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	02		24-	147	Oanh	
2	000070	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	02		10-	136	phuong	
3	000071	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	02					HP,ĐK
4	000072	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	02		14-	149	thảo	
5	000073	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	02					ĐK
6	000074	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	02		17-	143	TD	
7	000075	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	02		14-	149	thư	
8	000076	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	02		20-	146	thư	
9	000077	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	02		20-	141	Thủy	
10	000078	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	02		23-	148	Trang	
11	000079	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	02		20-	145	Trang	
12	000080	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	02		18-	142	Trang	
13	000081	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	02		07-	148	Trang	Trang 143
14	000082	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	02		24-	139	Tuấn	
15	000083	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	02		22-	138	Vân	
16	000084	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	02		17-	145	Vui	
17	000085	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	02		12-	137	Yến	
18	000086	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	02		16-	141	Dũng	
19	000087	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	03		17-	134	Anh	
20	000088	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	03		16-	141	Anh	
21	000089	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	03		20-	135	Ánh	
22	000090	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	03		18-	133	Chi	
23	000091	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12B	03		14-	140	Chi	
24	000092	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12B	03		12-	132	Chi	
25	000093	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	03		17-	131	chi	
26	000094	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	03		12-	140	Đức	
27	000095	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	03		21-	139	Dung	
28	000096	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	03		17-	147	Dũng	

Tổng số sinh viên dự thi: 26

Tổng số tờ giấy thi: 26

Tổng số biên bản: 6

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Mui Hoa

Đinh Phi Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000097	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	03		16	142	Dương	
2	000098	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	03		15	143	Dương	
3	000099	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	03		9,0	144	Giang	150
4	000100	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	03		10	149	Hà	
5	000101	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	03		11	148	Hằng	
6	000102	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	03		20	148	Hiền	
7	000103	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	03		5,0	146	Quỳnh	năm
8	000104	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	03		11	145	Hoài	năm một
9	000105	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	03		4,0	144	Hương	lên
10	000106	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD12B	03		11	141	Huyền	HP
11	000107	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	03		21	122	Huyền	
12	000108	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	03		20	123	Lan	
13	000109	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	03		17	125	Linh	
14	000110	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	03		8,0	140	Linh	
15	000111	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	03		3,0	137	Loan	(Ba)
16	000112	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12B	03		12	135	Loan	
17	000113	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	03		17	139	Long	
18	000114	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	03		6,0	133	Ly	sau
19	000115	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	03		14	136	My	
20	000116	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	03		10	134	Nga	
21	000117	1201020308	Khương Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	03		15	134	Ngân	
22	000118	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	03		17	130	Ngân	
23	000119	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	03		14	131	Nguyệt	
24	000120	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	03		7,0	129	Nhi	
25	000121	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KD12B	03		17	139	Nhi	
26	000122	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	03		22	128	Phương	
27	000123	1201020368	Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	03		12	123	Quyên	
28	000124	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	03		8,0	127	Thảo	tam
29	000125	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	03		11	125	Thảo	mean một
30	000126	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	03		16	126	Thảo	
31	000127	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	03		8,0	126	Thảo	tam
32	000128	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	03		20	123	Thu	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 32

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân

Ng T Cẩm Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	03		15	150	Thương	
2	000130	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	03		19	129	Thúy	
3	000131	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	03					HP, ĐK
4	000132	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	03		7,0	149	Trần	(chuyển)
5	000133	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD12B	03		19	146	Trân	
6	000134	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	03		17	128	Trang	
7	000135	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	03		14	148	Trang	
8	000136	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	03		14	123	Trang	
9	000137	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	03		15	122	Tươi	
10	000138	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	03		18	144	Vi	
11	000139	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	03		20	127	Vy	
12	000140	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	03		18	145	Yến	
13	000141	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	04		20	147	Anh	
14	000142	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	04					HP, ĐK
15	000143	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	04		14	142	Anh	
16	000144	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	04		không	143	Anh	BB-100%
17	000145	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	04		22	141	Cúc	
18	000146	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	04		23	139	Đạt	
19	000147	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	04		18	140	Diễm	
20	000148	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	04		23	138	Diệu	
21	000149	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	04		18	137	Dung	
22	000150	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	04		16	136	Dương	
23	000151	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	04		20	134	Dương	
24	000152	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	04		18	143	Giang	
25	000153	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	04		20	141	Hà	
26	000154	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	04		18	142	Hằng	
27	000155	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	04		18	124	Hiền	
28	000156	1201021770	Nguyễn Văn	Hiệu	19/11/2006	KD12C	04		20	136	Hiệu	
29	000157	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	04		19	125	Hương	
30	000158	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	04		23	133	Huyền	
31	000159	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	04		18	121	Khanh	
32	000160	1201020220	Phùng Hữu	Khanh	03/09/2006	KD12C	04					HP, ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 01...

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Thương

Đinh T. Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000161	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	04		16	143	Lam	
2	000162	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	04		18	146	Lan	
3	000163	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	04		8,0	139	Linh	
4	000164	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	04		10	141	Linh	
5	000165	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	04		10	147	Luân	
6	000166	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	04		16	145	Nga	
7	000167	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	04		5,0	144	Ngân	
8	000168	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	04		6,0	148	Ngọc	
9	000169	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	04		10	149	Ngọc	
10	000170	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	04		9,0	142	Nhài	
11	000171	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	04		10	129	Nhi	
12	000172	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	04		11	136	Nhung	
13	000173	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	04		5,0	138	Phường	HP Lđ
14	000174	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	04		15	140	Phường	
15	000175	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD12C	04		Không	121	Phường	HP BB-100%
16	000176	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	04		8,0	134	Thuý	
17	000177	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	04		Không	137	Quỳnh	BB-100%
18	000178	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	04		5,0	134	Thảo	
19	000179	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	04		22	133	Thư	
20	000180	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	04		18	131	Thùy	
21	000181	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	04		20	132	Trang	
22	000182	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	04		5,0	130	Trang	
23	000183	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	04		23	127	Trang	
24	000184	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	04		5,0	126	Trang	
25	000185	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	04		20	128	Trung	
26	000186	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	04		23	129	Uyên	
27	000187	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	04		24	121	Vi	
28	000188	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	04		7,0	122	Xuân	
29	000189	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	04		22	123	Yến	
30	000190	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	04		5,0	125	Đức	
31	000191	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	05		10	145	Anh	
32	000192	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	05		5,0	147	Anh	
33	000193	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	05		23	148	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 0

Tổng số biên bản: 0

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thu Trang

Phạm Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000194	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	05		14	150	Anh	
2	000195	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	05		19	143	Ánh	
3	000196	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	05		20	146	Ánh	
4	000197	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	05		21	141	Chi	
5	000198	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	05		20	139	Diễm	
6	000199	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	05		20	147	Dung	
7	000200	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	05		24	149	Dương	
8	000201	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	05		13	145	Giang	
9	000202	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	05		18	148	Hân	
10	000203	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	05		17	144	Hạnh	
11	000204	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	05		10	142	Hiền	
12	000205	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	05		23	132	Hình	
13	000206	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	05		15	125	Hương	
14	000207	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	05		90	137	Huyền	
15	000208	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	05					✓
16	000209	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	05		23	131	Khôi	
17	000210	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	05		18	124	Lâm	
18	000211	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	05		15	130	Lan	
19	000212	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	05		17	127	Linh	
20	000213	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	05		50	122	Linh	
21	000214	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	05		15	136	Ly	
22	000215	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	05		18	148	Mẫn	
23	000216	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	05		23	146	Minh	
24	000217	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	05		10	126	My	
25	000218	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	05					✓
26	000219	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	05		15	131	Ngọc	
27	000220	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	05		22	140	Nguyên	
28	000221	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	05		17	129	Nhi	
29	000222	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	05		22	138	Nhi	
30	000223	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	05		12	135	Ninh	
31	000224	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	05		24	133	Phương	
32	000225	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	05		17	134	Phương	
33	000226	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	05		18	123	Tân	

Tổng số sinh viên dự thi: 31

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hiền

Hoàng Thị Hương Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000227	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	05		20	173	Thảo	
2	000228	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	05		22	178	Thảo	
3	000229	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	05		21	180	Thủy	
4	000230	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	05		24	174	Tra	
5	000231	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	05		12	175	Thu	
6	000232	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	05		19	176	Trang	
7	000233	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	05		19	177	Trang	
8	000234	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	05		22	179	Trang	T
9	000235	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	05		20	179	Trang	
10	000236	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	05		12	170	Vĩ	HP DN
11	000237	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	05		21	178	Phu	
12	000238	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	05	Không	0	167	Yến	B2=100%
13	000239	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	06		19	161	Tam	HP DN 100%
14	000240	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	06		14	163	Anh	
15	000241	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	06		21	166	Anh	
16	000242	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	06		24	154	Anh	
17	000243	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	06		14	165	Anh	
18	000244	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	06		22	164	Anh	
19	000245	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	06		23	159	Chi	
20	000246	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	06		16	162	Cường	
21	000247	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	06		20	154	Diễm	
22	000248	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	06		17	160	Thuy	
23	000249	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	06		18	158	Diệu	
24	000250	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	06		18	173	Thuy	
25	000251	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	06		19	172	Thuy	
26	000252	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	06		23	157	Ha	
27	000253	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	06		19	156	Ha	
28	000254	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	06		17	151	Ha	
29	000255	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	06		24	152	Ha	
30	000256	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	06		21	162	Hiền	
31	000257	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	06		21	166	Hoa	
32	000258	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	06		20	163	Hong	
33	000259	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	06					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 01

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thị Ngọc Thảo

Phạm Anh Tuấn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000260	1201020200	Nguyễn Khánh	Hường	28/12/2006	KD12E	06		5,0	180	Hường	
2	000261	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	06		10	179	Huyền	
3	000262	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	06		5,0	178	Khánh	
4	000263	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	06		12	177	Khuê	
5	000264	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	06		14	176	Lâm	
6	000265	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	06		12	175	Lan	
7	000266	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	06		9,0	174	Linh	
8	000267	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	06		14	173	Luyến	
9	000268	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	06		10	172	Mai	
10	000269	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	06		15	171	Mai	
11	000270	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	06		15	170	Minh	
12	000271	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	06		13	169	Phạm Hồng Ngát	
13	000272	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	06		16	169	Ngọc	
14	000273	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	06		10	168	Nguyễn	
15	000274	1201021813	Đỗ Trần Yên	Nhi	07/06/2006	KD12E	06		10	167	Nhi	
16	000275	1201020341	Trương Thị Yên	Nhi	04/10/2006	KD12E	06		22	166	Nhi	
17	000276	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	06		10	165	Ninh	
18	000277	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	06		10	164	Phương	
19	000278	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	06		15	163	Thanh	Quỳnh
20	000279	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	06		12	162	Thanh	
21	000280	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	06		12	160	Thảo	
22	000281	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	06		16	161	Thư	
23	000282	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	06		20	159	Thủy	
24	000283	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	06		19	157	Trâm	
25	000284	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	06		12	160	Thảo	Trang
26	000285	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	06		15	156	Trang	
27	000286	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	06		21	155	Trang	
28	000287	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	06		20	154	ST	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000288	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	06		20	153	<i>[Signature]</i>	
30	000289	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	06		5,0	152	V. C. T.	
31	000290	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	07		10	151	Anh	
32	000291	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	07					HP, ĐK
33	000292	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	07		10	154	Anh	
34	000293	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	07		20	159	Anh	
35	000294	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	07		10	180	Anh	
36	000295	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	07		5,0	15	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Quang Thi Hoàng

[Signature]
Hàng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000296	1201020108	Nguyễn Mai Chi	31/05/2006	KD12G	07		19 - 166		Chi	
2	000297	1201021823	Dương Thị Anh Đào	26/09/2004	KD12G	07		20 - 180		Đào	
3	000298	1201020114	Hoàng Thị Diễm	10/01/2005	KD12G	07		19 - 179		Diễm	
4	000299	1201020120	Nguyễn Thị Dịu	15/12/2006	KD12G	07		23 - 178		Dịu	
5	000300	1201020134	Ngô Thùy Dương	10/07/2006	KD12G	07		19 - 168		Dương	
6	000301	1201020139	Vũ Đức Duy	22/10/2003	KD12G	07		20 - 171		Duy	
7	000302	1201020153	Vũ Thị Thu Hà	22/06/2006	KD12G	07		13 - 177		Hà	
8	000303	1201020156	Ngô Thị Thanh Hải	11/09/2006	KD12G	07					HP,ĐK
9	000304	1201020159	Phạm Thị Thùy Hân	04/07/2006	KD12G	07		18 - 159		Hân	
10	000305	1201020167	Ngô Minh Hạnh	17/02/2006	KD12G	07		23 - 176		Hạnh	
11	000306	1201021801	Đỗ Thị Thu Hiền	24/08/2006	KD12G	07					ĐK
12	000307	1201020171	Phạm Ngọc Hiền	23/07/2006	KD12G	07		22 - 175		Hiền	
13	000308	1201020186	Trần Thị Hồng Huệ	16/11/2006	KD12G	07		18 - 167		Huệ	
14	000309	1201020195	Nguyễn Thanh Hương	11/02/2006	KD12G	07		20 - 179		Hương	
15	000310	1201020201	Nguyễn Quang Huy	29/01/2004	KD12G	07		14 - 173		Huy	
16	000311	1201020211	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/06/2006	KD12G	07		20 - 172		Huyền	
17	000312	1201020217	Nguyễn Bá Khánh	01/08/2006	KD12G	07		23 - 169		Khánh	
18	000313	1201021491	Đặng Trung Kiên	23/09/2006	KD12G	07		14 - 170		Kiên	
19	000314	1201020230	Bùi Thị Ngọc Lan	30/04/2006	KD12G	07		19 - 162		Lan	
20	000315	1201020239	Chu Khánh Linh	28/12/2006	KD12G	07		23 - 161		Linh	
21	000316	1201020249	Nguyễn Hoàng Linh	13/07/2006	KD12G	07		25 - 157		Hoàng Linh	
22	000317	1201020265	Ngô Thị Phương Loan	06/06/2006	KD12G	07		20 - 163		Loan	
23	000318	1201020286	Đỗ Thị Thu Mai	22/12/2005	KD12G	07					HP,ĐK
24	000319	1201020303	Đinh Ngọc Nam	10/11/2006	KD12G	07		19 - 164		Nam	
25	000320	1201020310	Lê Bảo Ngân	05/06/2006	KD12G	07		23 - 158		Ngân	
26	000321	1201020315	Mã Đình Nghiêm	11/04/2006	KD12G	07		23 - 165		Nghiêm	
27	000322	1201020332	Hoàng Thị Trang Nhi	20/01/2006	KD12G	07		19 - 160		Nhi	
28	000323	1201020342	Lê Quỳnh Như	12/02/2006	KD12G	07		22 - 156		Như	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 1

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào T. H. Lam

Ng. TC Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000324	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	07		12	173	Oanh	
2	000325	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	07		24	174	TL	
3	000326	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	07		10	172	Phuc Bng	
4	000327	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	07		9,0	180	Phượng	
5	000328	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	07		10	170	Quỳnh	
6	000329	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	07		20	179	Thảo	
7	000330	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	07					HP,ĐK
8	000331	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	07		14	178	Thảo	
9	000332	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	07		18	177	Thư	
10	000333	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	07		17	176	Thủy	
11	000334	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	07		12	175	Trâm	
12	000335	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	07		12	171	Trang	
13	000336	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	07		13	169	Trang	
14	000337	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	07					HP,ĐK
15	000338	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	07		12	168	Trung	
16	000339	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	07		15	162	Tuấn	
17	000340	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	07		8,0	164	Vân	
18	000341	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	07		10	166		
19	000342	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	08		6,0	158	Đức	
20	000343	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	08		14	163	Diệp	
21	000344	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	08		19	160	M. Anh	
22	000345	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	08		16	173	Quỳnh	
23	000346	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	08					HP,ĐK
24	000347	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	08					ĐK
25	000348	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	08		16	159	Phương	
26	000349	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	08		12	161	Phan	
27	000350	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	08		13	165	Ánh	
28	000351	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	08		5,0	167	Chiến	

Tổng số sinh viên dự thi:...24

Tổng số tờ giấy thi:...24

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải

Đinh T. Luyện

Nguyễn Thị Hải

Đinh T. Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000352	1201011202	Đình Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	08		5,0	180	Đạt	
2	000353	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	08		20	179	Đạt	
3	000354	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	08		Không	178	Dũng	Biên bản
4	000355	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	08		18	171	Duyên	
5	000356	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	08		20	177	Hải	
6	000357	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	08		không	172	Hằng	
7	000358	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	08		13	173	Hiệp	
8	000359	1201011795	Đình Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	08		Không	176	Hùng	Biên bản
9	000360	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	08		15	171	Huy	
10	000361	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	08		12	174	Huy	
11	000362	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	08					HP,ĐK
12	000363	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	08		21	170	Khánh	
13	000364	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	08		8,0	169	Lan	
14	000365	1201011294	Đình Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	08		không	167	Linh	
15	000366	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	08		9,0	168	Linh	
16	000367	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	08		không	164	Linh	
17	000368	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	08		7,0	166	Linh	
18	000369	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	08		21	165	Minh	
19	000370	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	08		không	162	My	
20	000371	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	08		20	163	Nam	
21	000372	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	08		17	179	Ngân	
22	000373	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	08		21	161	Nguyên	
23	000374	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	08		17	152	Oanh	
24	000375	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	08					HP,ĐK
25	000376	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	08		12	160	Phương	
26	000377	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	08		22	158	Phương	
27	000378	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	08		12	157	Quỳnh	
28	000379	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	08		không	154	Son	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000380	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	08		18	156	Thống	
30	000381	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	08		17	151	Phu	
31	000382	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	08		20	155	Trà	
32	000383	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	08		17	176	Tú	
33	000384	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	08		50	178	Tuấn	
34	000385	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	08		mười	153	Uy	
35	000386	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	08		mười	159	Yến	

Tổng số sinh viên dự thi:.....33
 Tổng số tờ giấy thi:.....33
 Tổng số biên bản:.....02...

Ngày 4... tháng 6 năm 2026
 Cán bộ coi thi 1
 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân
 Hồ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000387	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	09		5,0	180	<i>anh</i>	
2	000388	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	09		19-	164	<i>Quỳnh</i>	HP <i>đơn</i>
3	000389	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	09					HP,ĐK
4	000390	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	09		5,0	178	<i>Lan</i>	HP <i>đơn</i>
5	000391	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	09		19-	179	<i>Anh</i>	
6	000392	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	09					HP,ĐK
7	000393	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	09		12-	172	<i>Chinh</i>	
8	000394	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	09					ĐK
9	000395	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	09		17-	163	<i>Đức</i>	HP <i>đơn</i>
10	000396	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	09					HP,ĐK
11	000397	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	09		15-	177	<i>Hân</i>	
12	000398	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	09		5,0	176	<i>Hiền</i>	
13	000399	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	09		20-	168	<i>Hiếu</i>	
14	000400	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	09		24-	173	<i>Hiếu</i>	
15	000401	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	09		23-	171	<i>Huy</i>	
16	000402	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	09		13-	175	<i>Thu</i>	
17	000403	1201011273	Nguyễn Đức	Hung	18/01/2006	NH12B	09		23-	174	<i>Hung</i>	HP <i>đơn</i>
18	000404	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	09		22-	170	<i>Thúy</i>	
19	000405	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	09		24-	165	<i>Quang</i>	
20	000406	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	09		19-	166	<i>Huy</i>	
21	000407	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	09		23-	161	<i>Huyền</i>	
22	000408	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	09		5,0	167	<i>Khoa</i>	
23	000409	1201011293	Vũ Thành	Liêm	03/01/2006	NH12B	09		25-	169	<i>Thành</i>	
24	000410	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	09		20-	162	<i>Linh</i>	
25	000411	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	09		22-	160	<i>Khánh</i>	
26	000412	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	09		14-	159	<i>K</i>	
27	000413	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	09		10-	158	<i>Ly</i>	
28	000414	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	09		20-	157	<i>My</i>	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000415	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	09		5,0-		My	
30	000416	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	09					ĐK
31	000417	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	09		10-	151	Ngọc	
32	000418	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	09		10-	151	Phúc	
33	000419	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	09		10-	153	Phúc	
34	000420	1201011379	Đào Minh	Phuong	13/02/2006	NH12B	09		22-	154	Phuong	
35	000421	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	09					HP,ĐK
36	000422	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	09		24-	155	Son	

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 4 tháng 6 năm 2026 HH

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

HH
Hoàng Thị Kiều Giang Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000423	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	09					ĐK
2	000424	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	09		22	179	Thắng	
3	000425	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	09		20	178	Thư	
4	000426	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	09		22	177	Thùy Trang	
5	000427	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	09		6,0	176	Tuấn (sưu)	
6	000428	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	09		24	175	Bùi Tuấn	
7	000429	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	09		20	174	Hải Yến	
8	000430	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	10		18	173	Nam	
9	000431	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	10		24	171	Anh	
10	000432	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	10		7,0	173	Anh (lấy)	
11	000433	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	10		22	162	Hiền	
12	000434	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	10	BB-100%	Không	170	Hiền	HP (điểm)
13	000435	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	10		10	168	Hiếu	(mười)
14	000436	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	10		17	156	Huế	
15	000437	1201070642	Đình Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	10		21	167	Huy	
16	000438	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	10		19	161	Ngọc	
17	000439	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	10		22	160	Trang	
18	000440	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	10		18	169	Hải Yến	
19	000441	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	10		8,0	159	Anh	(tám)
20	000442	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	10		12	158	Chiên	
21	000443	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	10		22	171	Cường	
22	000444	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	10		7,0	155	Thu Hà	(bảy)
23	000445	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	10		23	164	Lan	
24	000446	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	10		8,0	154	Linh	(tám)
25	000447	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	10		20	171	Linh	
26	000448	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	10		20	152	Nhung	
27	000449	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	10		18	165	Phương	
28	000450	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	10		22	166	Khắc Son	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000451	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	10		18	153	Thanh	
30	000452	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	10		23	179	Thảo	
31	000453	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	10		23	163	Trà	
32	000454	1201070682	Đinh Vũ Việt	Trình	01/10/2006	QL12A	10		23	173	Trình	
33	000455	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	10		9,0	170	Việt	(chín)
34	000456	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	10		9,0	151	Vinh	(chín)
35	000457	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	10		20	157	Vy	

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 34

Tổng số biên bản: 01

Ngày 4 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thu Trang

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000458	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	11		15-	210		
2	000459	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	11		18-	201	Anh	
3	000460	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	11		18-	203	Anh	HP
4	000461	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	11		7,0-	207	Anh	
5	000462	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	11		18-	209	Cao	
6	000463	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	11					ĐK
7	000464	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	11		8,0-	208	Cương	
8	000465	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	11		10-	202	Đức	
9	000466	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	11		5,0-	206	Đức	
10	000467	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	11		7,0-	204	Đặng	
11	000468	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	11		5,0-	205	Duyên	
12	000469	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	11					HP,ĐK
13	000470	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	11		6,0-	200	Hà	
14	000471	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	11		17-	195	Hào	
15	000472	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	11		10-	196	Hiếu	
16	000473	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	11		16-	199	Quốc	HR
17	000474	1201030859	Đinh Văn	Hung	14/04/2006	QM12A	11		10-	198	Đinh	
18	000475	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	11		18-	184	Hương	
19	000476	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	11		15-	199	Liên	HP
20	000477	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	11		17-	190	Linh	
21	000478	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	11		10-	183	Linh	
22	000479	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	11		10-	188	Linh	
23	000480	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	11			194	Khánh	HP,ĐK
24	000481	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	11		8,0-	191	Long	
25	000482	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	11		10-	197	Long	
26	000483	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	11		16-	192	Ly	
27	000484	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	11		10-	198	Mai	
28	000485	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	11		15-	195	Đinh	
29	000486	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	11		19-	181	Phạm	HP

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000487	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	11		10	189		
31	000488	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	11		17	187	Ngân	
32	000489	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	11		5,0	182	ngoc	
33	000490	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	11		12	186	nguyệt	
34	000491	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	11		17	125	Oanh	
35	000492	1201031019	Dương Thị Hà	Phuong	12/09/2006	QM12A	11		15	104	Phuong	

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 32

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Quan T. Hoang Anh

Dinh T. Luong



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000493	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	11		25	208	Phương	
2	000494	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	11		20	186	Quyên	
3	000495	1201031605	Trần Hoài	Sơn	15/09/2006	QM12A	11		22	207	Phái Sơn	
4	000496	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	11		20	207	Phái	
5	000497	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	11					HP,ĐK
6	000498	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	11		19	182	Thảo	
7	000499	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	11		22	203	Thu	
8	000500	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	11		22	200	Thùy	HP
9	000501	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	11		19	210	Thùy	
10	000502	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	11					HP,ĐK
11	000503	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	11					HP,ĐK
12	000504	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	11		19	201	Trinh	
13	000505	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	11		25	187	Tú	
14	000506	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	11		21	209	Phay	
15	000507	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	11		20	197	Vĩ	
16	000508	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	12		18	205	Anh	
17	000509	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	12		18	204	Anh	
18	000510	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	12		15	195	Anh	HP
19	000511	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	12		24	199	Anh	
20	000512	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	12		21	193	Anh	
21	000513	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	12		18	198	Anh	
22	000514	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	12		21	196	Châm	
23	000515	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	12		22	195	Chiều	
24	000516	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	12		25	194	Dương	
25	000517	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	12					HP,ĐK
26	000518	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	12		22	191	Giang	
27	000519	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	12		23	190	Hà	
28	000520	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	12		25	183	Hà	

Tổng số sinh viên dự thi: 28 (Hai mươi tám)

Tổng số tờ giấy thi: 28

Tổng số biên bản: 0

Ngày 05 tháng 03 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Lam

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000521	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	12		10	209	Hào	
2	000522	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	12		19	210	Hiên	
3	000523	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	12		5,0	207	Hùng	
4	000524	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	12		4,0	208	Huyền	
5	000525	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	12		10	204	Văn Kiên	HP (đã nộp)
6	000526	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	12					Vắng
7	000527	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	12		19	206	Linh	
8	000528	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	12		5,0	195	Linh	
9	000529	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	12		19	205	Linh	
10	000530	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	12		11	188	Linh	
11	000531	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	12		17	203	Linh	
12	000532	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	12					HP,ĐK
13	000533	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	12		16	198	Mai	
14	000534	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	12		9,0	202	Minh	
15	000535	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	12		9,0	191	Ngoan	
16	000536	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	12		17	197	Ngọc	
17	000537	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	12	Không	0	193	Oanh	BB-100%
18	000538	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	12		18	199	Phúc	
19	000539	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	12		12	200	Phương	
20	000540	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	12					HP,ĐK
21	000541	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	12					Vắng
22	000542	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	12		8,0	192	Sáng	
23	000543	1201031046	Phạm Thái	Sơn	21/07/2006	QM12B	12		17	194	Sơn	
24	000544	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	12		11	181	Tâm	HP
25	000545	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	12		13	109	Thuy	
26	000546	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	12		17	189	Thủy	
27	000547	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	12		14	188	Thúy	
28	000548	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	12		13	186	Tiến	HP

Tổng số sinh viên dự thi:....*L.H.*

Tổng số tờ giấy thi:....*L.H.*

Tổng số biên bản:.....*0.4.*

Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Minh Hòa

Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000549	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	12		15	192	Trang	
2	000550	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	12		20	190	Trang	
3	000551	1201031575	Nguyễn Việt	Trình	19/09/2006	QM12B	12		13	191	Trình	
4	000552	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	12		17	189	Tú	
5	000553	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyển	06/08/2006	QM12B	12		17	188	Tuyển	
6	000554	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	13		20	184	Đài	
7	000555	1204020022	Lý Thị Thùy	Linh	24/07/2003	LT12A	13		18	186	Linh	
8	000556	1204020023	Phạm Thị	Ngọc	19/07/1993	LT12A	13		15	185	Ph	
9	000557	1204020012	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/1990	LT12A	13		20	183	Phuc	
10	000558	1205020008	Vũ Thị Thu	Hương	02/03/1997	T12A_ĐHE	13		15	187	Thu	
11	000559	1203020003	Hoàng Văn	Cường	17/02/1994	T12A_TCE	13		15	197	Hoang	HP (Đã ht)
12	000560	1204020006	Chu Thị	Hoa	19/11/2005	T12A_TCE	13		18	209	Hoa	
13	000561	1203020017	Lưu Thị	Thuận	26/05/1992	T12A_TCE	13		20	198	Thu	
14	000562	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	13		14	203	Anh	
15	000563	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	13		15	202	Anh	HP (Đã ht)
16	000564	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	13		19	207	Anh	
17	000565	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	13					HP,ĐK
18	000566	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	13		4,0	200	Anh	(bản)
19	000567	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	13		14	199	Anh	
20	000568	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	13		21	208	Bách	
21	000569	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	13		19	205	Bình	
22	000570	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	13		15	201	Chi	
23	000571	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	13		15	210	Cương	
24	000572	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	13					HP,ĐK
25	000573	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	13		18	204	Diệp	
26	000574	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	13		23	181	Đức	
27	000575	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	13					ĐK
28	000576	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	13		22	206	Duy	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng T. Hiền

Ng T C Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000577	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	13		20	181	Duyên	
2	000578	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	13	(mặt)	10	210	Hà	
3	000579	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	13		20	209	Hải	
4	000580	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	13	(mặt)	10	202	Hạnh	
5	000581	1201031733	Bùi Đăng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	13		16	108	Hiền	
6	000582	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	13		15	204	Hoa	
7	000583	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	13		21	200	Hoài	
8	000584	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	13		15	199	Hồng	
9	000585	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	13		17	206	Hùng	
10	000586	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	13		15	183	Hường	
11	000587	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	13					HP,ĐK
12	000588	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	13					ĐK
13	000589	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	13		20	201	Khoa	
14	000590	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	13		23	181	Linh	
15	000591	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	13		20	203	Linh	
16	000592	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	13		20	181	Linh	
17	000593	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	13		17	206	Long	
18	000594	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	13		23	199	Mai	
19	000595	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	13		19	186	Minh	
20	000596	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	13		24	184	Minh	
21	000597	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	13		24	187	Sau	
22	000598	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	13		20	206	Như	NP,ĐK
23	000599	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	13		20	198	Phúc	
24	000600	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	13		21	203	Phương	
25	000601	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	13		22	182	Phương	HP,ĐK
26	000602	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	03/11/2005	QT12A	13					HP,ĐK
27	000603	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	13		18	182	Sang	
28	000604	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	13		24	183	Thành	

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 2

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trương Công Thành

Trần Văn Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000605	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	13		6,0	210	Thảo	
2	000606	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	13		Không	209	Thoa	
3	000607	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	13		20	201	Thúy	
4	000608	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	13		5,0	208	Trang	(5,0)
5	000609	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	13					HP,ĐK
6	000610	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	13		22	206	Triệu	
7	000611	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	13		6,0	209	Tuấn	
8	000612	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	13		22	207	Uyên	
9	000613	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	13					ĐK
10	000614	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	14		15	199	Anh	HP (đã KT)
11	000615	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	14		20	205	Đức	
12	000616	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	14		15	202	Anh	
13	000617	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	14		12	203	Anh	
14	000618	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	14		15	200	Băng	
15	000619	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	14					HP,ĐK
16	000620	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	14		16	184	Đức	
17	000621	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	14		8,0	196	Dung	
18	000622	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	14		15	197	Dương	
19	000623	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	14		5,0	198	Duy	HP (đã KT)
20	000624	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	14		13	195	Giang	
21	000625	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	14		16	194	Hằng	
22	000626	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	14					ĐK
23	000627	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	14		5,0	192	Hoa	HP (đã KT)
24	000628	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	14		18	193	Hoài	
25	000629	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	14		5,0	188	Huân	
26	000630	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	14		5,0	191	Huệ	HP (đã KT)
27	000631	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	14		8,0	190	Hùng	
28	000632	1201031650	Nguyễn Trung	Hưng	18/10/2006	QT12B	14		5,0	189	Hưng	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000633	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	14		10	185	Huy	
30	000634	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	14		23	187	Khánh	
31	000635	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	14		8,0	186	Khánh	
32	000636	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	14		10	196	Kiên	
33	000637	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	14		17	182	Linh	
34	000638	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	14		8,0	181	Linh	
35	000639	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	14		9,0	183	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi:....31....

Tổng số tờ giấy thi:....31..

Tổng số biên bản:.....0....

Ngày 5... tháng ... năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Vân

Hồ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000640	1201030934	Tô Thị Yên	Linh	25/12/2006	QT12B	14		20	181	Linh	
2	000641	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	14		4,0	184	Luân	
3	000642	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	14		21	192	Minh	
4	000643	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	14		17	183	My	
5	000644	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	14		20	186	Năng	
6	000645	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	14	Không	0	185	Ngọc	HP B.B-1002
7	000646	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	14		19	185	Nguyệt	
8	000647	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	14		22	187	Nhung	
9	000648	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	14		2,0	189	Quyên	
10	000649	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	14		15	188	Thái	
11	000650	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	14		10	190	Thảo	
12	000651	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	14					
13	000652	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	14		6,0	205	Trà	
14	000653	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	14		15	209	Trang	
15	000654	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	14		5,0	208	Trang	
16	000655	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	14		5,0	182	Triệu	
17	000656	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	14		8,0	206	Tuyên	
18	000657	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	14		18	210	Uyên	
19	000658	1201031150	Lê Ngọc	Yên	31/01/2006	QT12B	14		7,0	202	Yên	
20	000659	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	15					
21	000660	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	15		18	191	Anh	HP
22	000661	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	15		22	202	Anh	
23	000662	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	15		23	199	Anh	
24	000663	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	15		8,0	201	Anh	
25	000664	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	15		17	203	Anh	
26	000665	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	15		20	196	Đặng	
27	000666	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	15		5,0	192	Đạt	
28	000667	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	15		9,0	194	Đức	
29	000668	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	15		15	197	Dung	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000669	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	15		15	187	Dương	
31	000670	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	15		18	193	Dương	
32	000671	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	15		17	204	Duy	
33	000672	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	15		23	195	Hà	
34	000673	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	15					HP,ĐK
35	000674	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	15		15	181	Hằng	
36	000675	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	15		23	198	Hiếu	

Tổng số sinh viên dự thi:.....33

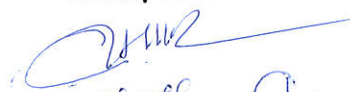
Tổng số tờ giấy thi:.....33

Tổng số biên bản:.....01

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


 Hoàng Thị Thương Giang


 Đặng Thị Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000676	1201031553	Bé Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	15		21 ✓	239	Hoài	
2	000677	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	15					HP ✓
3	000678	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	15		23 ✓	238	Hùng	
4	000679	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	15		22 ✓	240	Myên	
5	000680	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	15		21 ✓	237	Khánh	
6	000681	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	15		24 ✓	229	Khoa	
7	000682	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	15					HP,ĐK
8	000683	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	15		20 ✓	236	Linh	
9	000684	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	15		15 ✓	228	Linh	
10	000685	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	15		25 ✓	231	Long	HP (ĐK)
11	000686	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	15		23 ✓	235	Ty	
12	000687	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	15		24 ✓	232	Mạnh	
13	000688	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	15		25 ✓	233	Minh	
14	000689	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	15					HP -
15	000690	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	15		23 ✓	224	My	
16	000691	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	15		20 ✓	219	Ngọc	
17	000692	1201031007	Phạm Thị Yến	Nhi	03/09/2006	QT12C	15		25 ✓	230	Nhi	
18	000693	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	15		24 ✓	230	Quân	
19	000694	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	15					HP,ĐK
20	000695	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	15					HP -
21	000696	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	15		17 ✓	218	Thảo	
22	000697	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	15		21 ✓	217	Thọ	
23	000698	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	15		17 ✓	215	Trang	
24	000699	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	15		17 ✓	234	Trang	
25	000700	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	15					HP,ĐK
26	000701	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	15		21 ✓	237	Trang	
27	000702	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	15		23 ✓	226	Tuấn	
28	000703	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	15		20 ✓	211	Ước	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000704	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	16		25 ✓	219	Anh	
30	000705	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	16		23 ✓	222	Anh	
31	000706	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	16		21 ✓	227	P. Anh	
32	000707	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	16		25 ✓	276	Anh	
33	000708	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	16		23 ✓	221	Anh	HP (Anh)
34	000709	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	16		18 ✓	223	Q. Anh	
35	000710	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	16		17 ✓	220	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 10

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào T. Hồng Lam

Hg T. Hồng Gray



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000711	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	16		18-	232	Chi	
2	000712	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	16		5,0-	232	Đạt	
3	000713	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC12A	16		15-	235	Diệp	
4	000714	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	16		10-	237	Dung	
5	000715	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	16		10-	225	Dương	
6	000716	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	16		22-	233	Duy	
7	000717	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	16		19-	235	Duyên	
8	000718	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	16		23-	236	Hà	
9	000719	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	16		12-	238	Hà	
10	000720	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	16					ĐK
11	000721	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	16		5,0-	234	Hiếu	
12	000722	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	16					Vắng
13	000723	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	16		21-	229	Hoài	
14	000724	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	16					Vắng
15	000725	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	16		13-	223	Huệ	
16	000726	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	16					ĐK
17	000727	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	16		15-	231	Lan	
18	000728	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	16		8,0-	230	Linh	
19	000729	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	16		13-	221	Linh	
20	000730	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	16					HP,ĐK
21	000731	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	16		21-	232	Linh	
22	000732	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	16		20-	235	Linh	
23	000733	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	16		12-	237	Linh	HP
24	000734	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	16		17-	228	Khánh	
25	000735	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	16		10-	214	Mai	
26	000736	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	16		12-	211	Mai	HP
27	000737	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	16		24-	222	Minh	
28	000738	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	16		9,0-	224	Minh	

2/12

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000739	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	16		16 - 227		Ngân	
30	000740	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	16		15 - 219		Ngọc	
31	000741	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	16		23 - 226		Ngọc	
32	000742	1201011358	Dur Thị Thảo	Nguyên	17/01/2006	TC12A	16		21 - 215		Nguyên	
33	000743	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	16					HP, ĐK
34	000744	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	16		20 - 220		Nhung	
35	000745	1201011380	Hoàng Lan	Phuong	13/08/2006	TC12A	16					HP, ĐK
36	000746	1201011382	Nguyễn Nam	Phuong	01/10/2006	TC12A	16		10 - 218		Phuong	

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 05 tháng 06 năm 2026 TH

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Quách Thị Hoàng Anh


Lê Thị Thanh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 – Vài đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000747	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	16		5,0	249	Quyền	
2	000748	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	16					HP,ĐK
3	000749	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	16		23	239	Tâm	
4	000750	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	16		15	238	Minh Tâm	
5	000751	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	16		19	236	Thảo	
6	000752	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	16		22	237	Phạm Thảo	
7	000753	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	16		9,0	231	Tiến Thọ	
8	000754	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	16					HP,ĐK
9	000755	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	16		muối	233	Thùy	
10	000756	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	16		22	235	Trâm	
11	000757	1201011437	Đỗ Hà	Trình	04/11/2006	TC12A	16		17	234	Trình	
12	000758	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	16		13	232	Tú	
13	000759	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	16		5,0	229	Tùng	HP (đáp)
14	000760	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	17		14	228	MA	
15	000761	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	17		18	230	PNh	
16	000762	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	17		16	227	Anh	
17	000763	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	17		13	226	V-Anh	
18	000764	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	17		6,0	225	Anh	
19	000765	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	17		21	223	Anh.	
20	000766	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	17		17	224	Bảo	
21	000767	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	17		20	222	Đạt	
22	000768	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	17					Vàng
23	000769	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	17					ĐK
24	000770	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	17					HP Vàng
25	000771	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	17		18	221	Hạnh	
26	000772	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	17		12	220	Hiền	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
27	000773	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	17		18	216	ĐD	
28	000774	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	17		22	218	Hoa	
29	000775	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	17					Vắng
30	000776	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	17		muoi	212	Hương	
31	000777	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	17		16	219	Huyền	HP Đắc
32	000778	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	17		15	215	Linh	
33	000779	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	17		12	214	Linh	
34	000780	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	17		20	217	ĐD	
35	000781	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	17		23	213	ĐD	
36	000782	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	17					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:....29

Tổng số tờ giấy thi:.....29

Tổng số biên bản:.....0...

Ngày 05 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

ĐD

Tuy

Lê Thị Mui Hà

Trần T Thu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000783	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	17		18 ✓	238	Linh	
2	000784	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	17		19 ✓	234	Long	
3	000785	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	17		25 ✓	236	Mai	
4	000786	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	17		21 ✓	239	Minh	
5	000787	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	17		20 ✓	233	Minh	
6	000788	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	17		24 ✓	232	Mỹ	
7	000789	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	17		22 ✓	231	Ngọc	
8	000790	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	17		21 ✓	229	Ngọc	
9	000791	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	17		21 ✓	235	Nguyễn	
10	000792	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	17					HP,ĐK
11	000793	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	17		20 ✓	213	Nhi	
12	000794	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	17		19 ✓	211	Nhung	
13	000795	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	17		22 ✓	239	Phong	
14	000796	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	17		21 ✓	240	Phú	
15	000797	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	17		20 ✓	230	Phương	
16	000798	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	17		20 ✓	236	Phương	
17	000799	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	17					HP,ĐK
18	000800	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	17		20 ✓	231	Quyết	
19	000801	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	17		18 ✓	238	Tâm	
20	000802	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	17		17 ✓	213	Tâm	
21	000803	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	17		19 ✓	235	Thanh	
22	000804	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	17		23 ✓	212	Thảo	
23	000805	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	17		20 ✓	233	Thảo	
24	000806	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	17					ĐK
25	000807	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	17		23 ✓	231	Trà	
26	000808	1201011439	Bùi Duy	Trương	19/01/2006	TC12B	17		5,0 ✓	217	Trương	
27	000809	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	17		22 ✓	240	Tú	
28	000810	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	17		19 ✓	214	Vy	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
29	000811	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	18		20	222	An	
30	000812	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	18					HP,ĐK
31	000813	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	18		21	216	Anh	
32	000814	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	18		23	232	Anh	ĐK(6)
33	000815	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	18		17	228		
34	000816	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	18					HP,ĐK
35	000817	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	18		22	215	hùng	
36	000818	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	18		23	237	Đức	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 31

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Văn Tuấn

Đinh T. Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000819	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	18		14	200	Đức	
2	000820	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	18		12	232	HĐ Đức	
3	000821	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	18		5,0	233	Đức (năm)	
4	000822	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	18		17	238	Dương	
5	000823	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	18		20	237	Mỹ	
6	000824	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	18		18	234	Phạm Mỹ	
7	000825	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	18		18	239	Giang	
8	000826	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	18		17	228	Thu	
9	000827	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	18		18	236	Hung	
10	000828	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	18		17	235	Linh	
11	000829	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	18		23	231	Linh	
12	000830	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	18		23	230	Chi	
13	000831	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	18		20	229	Linh (học sinh)	
14	000832	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	18	BB. 18	không	292	Long	
15	000833	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	18		21	222	Mai	
16	000834	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	18		15	212	Mai	
17	000835	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	18		8,0	223	Mạnh (năm)	
18	000836	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	18		22	236	Mạnh	
19	000837	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	18		muôn	226	Minh	
20	000838	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	18		muôn	219	My	
21	000839	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	18		21	225	Thu	
22	000840	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	18		23	224	Ngọc	
23	000841	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	18		24	221	Quỳnh	
24	000842	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	18		14	218	Nhung	
25	000843	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	18		14	225	Oanh	
26	000844	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	18		5,0	224	Tài (Năm)	
27	000845	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	18		23	216	Thảo	
28	000846	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	18		22	213	Thảo	
29	000847	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	18		22	211	Thảo	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000848	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	18		11	213	Thương	(mười một)
31	000849	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	31/05/2006	TM12A	18		5,0	214	Thủy	(Năm)
32	000850	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	18		17	217	Thùy	
33	000851	1201080609	Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	18		8,0	227	Bích	(Năm)
34	000852	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	TM12A	18		21	240	Trang	
35	000853	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	18		22	215	Trang	
36	000854	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	18		21	240	Trang	

Tổng số sinh viên dự thi:....36....

Tổng số tờ giấy thi:.....36.

Tổng số biên bản:.....41.

Ngày ..5.. tháng ..6.. năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng T Văn

Ng T Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000855	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	18		21	240	Uyên	
2	000856	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	18		5,0	237	Yến	
3	000857	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	18		18	239	Yến	
4	000858	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	19					HP,ĐK
5	000859	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	19		5,0	234	Anh	
6	000860	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	19		5,0	227	Ánh	
7	000861	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	19		20	235	Định	
8	000862	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	19		10	238	Giang	
9	000863	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	19		18	236	Hạnh	
10	000864	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	19		18	233	Huệ	
11	000865	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	19		20	232	Huy	
12	000866	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	19					HP
13	000867	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	19		21	234	Huyền	
14	000868	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	19		5,0	230	Khánh	
15	000869	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	19		17	231	Linh	
16	000870	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	19		10	236	Linh	
17	000871	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	19		5,0	225	Linh	
18	000872	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	19		24	229	Long	
19	000873	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	19		Một	228	Minh	
20	000874	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	19		20	226	Phong	

Tổng số sinh viên dự thi: 18

Tổng số tờ giấy thi: 18

Tổng số biên bản: 2

Ngày 05 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Họ Thị Tâm

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3 - Thi vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000875	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	19		18	240	Tài	
2	000876	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	19		3,0	238	Thành (ba)	
3	000877	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	19		3,0	239	Thư (ba)	
4	000878	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	19		12	236	Trang	
5	000879	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	19		6,0	237	Tuấn (báu)	
6	000880	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	19		16	234	Anh	
7	000881	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	19		2,0	223	Anh (hai)	
8	000882	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	19		20	235	Hải (hai mươi)	
9	000883	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	19		7,0	232	Ánh (bảy)	
10	000884	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	19		20	231	Đoàn (hai mươi)	
11	000885	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	19		19	230	Đức	
12	000886	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	19		8,0	229	Dung (tám)	
13	000887	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	19					HP, DK
14	000888	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	19		13	228	Linh	
15	000889	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	19		18	227	Mai	
16	000890	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	19					HP, DK
17	000891	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	19		14	226	Tâm	
18	000892	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	19		23	225	Thu	
19	000893	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	19		14	224	Vi	
20	000894	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	19					HP, DK

Tổng số sinh viên dự thi: 17

Tổng số tờ giấy thi: 17

Tổng số biên bản: 0

Ngày 1 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Phương

Đinh Phi Luyến